TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 934/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Tú T, sinh năm 1990; đăng ký thường trú: Số 34/15, khu phố Đông B, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Đường DJ9, tổ 12, khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lường Văn G, sinh năm 1985; đăng ký thường trú: Số 34/15, khu phố Đông B, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Đường DJ9, tổ 12, khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Tú T trình bày: Bà T và ông G chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường

Đ, thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, ông G nhiều lần xúc phạm danh dự và đánh đập bà T. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà T và ông G sống chung với nhau có một con chung là cháu Lường Bích Tr, sinh ngày 14/8/2015. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15/6/2023, bà T nộp Đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung: Rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lường Văn G trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm sống chung, về hình thức kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn.

Ông G cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhưng không lớn. Ông G còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lường Bích T, sinh ngày 14/8/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà T ly hôn với ông G thì ông G đồng ý giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, ông G không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lường Văn G hiện đang cư trú tại phường T, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát. Nguyên đơn bà Huỳnh Tú T và bị đơn ông Lường Văn G đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Tòa án nhận định về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà T và ông G tự nguyện sống chung từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Các bên đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Bà T yêu cầu ly hôn ông G, tuy nhiên ông G không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

[2.2] Kết quả xác minh ngày 15/6/2023 thể hiện: Bà T và ông G có đăng ký tạm trú tại khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; địa phương không biết nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn dẫn tới tranh chấp về ly hôn giữa bà T và ông G

[2.3] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông G đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cũng đã vận động, hòa giải để các bên đoàn tụ nhưng không thành nên giải quyết cho các bên ly hôn để trả tự do cho nhau.

[2.4] Về con chung: Bà T và ông G có 01 con chung là cháu Lường Bích T, sinh ngày 14/8/2015. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, ông G đồng ý giao cháu T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của các bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Về cấp dưỡng: Ngày 15/6/2023, bà T nộp đơn rút lại yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông G về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Tú T đối với bị đơn ông Lường Văn G về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Bà Huỳnh Tú T được ly hôn với ông Lường Văn G.

2. Về con chung: Giao cho bà Huỳnh Tú T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lường Bích T, sinh ngày 14/8/2015. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Ông G được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Tú T đối với bị đơn ông Lường Văn G về việc "yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung".

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Tú T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Biên lai thu số AA/2021/0001096 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- UBND p. Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Phương